TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2022/DS-ST
Ngày 16 – 6 – 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Hàng Bích Trâm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Mười
Ông Nguyễn Hoàng Dân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Bích Như – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2022/TLST-DS, ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M; Sinh năm: 1960

Địa chỉ: Số 86B/115 đường HTK, khóm 6, phường 6, thành phố CM, tỉnh CM.

Đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 97 HTK, khóm 7, phường 7, thành phố CM, tỉnh CM (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị B; Sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường KCĐ, khóm 7, phường 7, thành phố CM, tỉnh CM;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Huỳnh TA, sinh năm 1983 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 86B/115 đường HTK, khóm 6, phường 6, thành phố CM, tỉnh CM; Là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Ngày 24/12/2020 bà Lê Thị M có cho bà Dương Thị B vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 03%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Khi vay có làm hợp đồng và giấy nhận tiền do con của bà M là anh Huỳnh TA đại diện bà M ký tên vào bên cho vay, nhưng tiền cho vay là tiền của cá nhân bà M. Quá trình vay bà B không thanh toán lãi và vốn, bà M đã nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay bà

B luôn né tránh không thanh toán. Theo đơn khởi kiện bà M yêu cầu bà B thanh toán tổng cộng 72.742.000 đồng, trong đó tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi 22.742.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 12/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh TA trình bày:

Ngày 24/12/2020 bà Lê Thị M có cho bà Dương Thị B vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 03%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Khi vay có làm hợp đồng và giấy nhận tiền do anh Huỳnh TA đại diện bà M ký tên vào bên cho vay (bà M là mẹ ruột anh TA), tuy anh TA là người ký tên trong hợp đồng và giấy nhận tiền ngày 24/12/2020 nhưng tiền cho vay là tiền của cá nhân bà M không liên quan đến anh TA và bà M là người trực tiếp giao tiền cho bà B. Quá trình vay bà B không thanh toán lãi và vốn. Đối với việc bà M khởi kiện yêu cầu bà B thanh toán tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thì anh TA thống nhất và không có yêu cầu gì khác, đồng thời yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Đối với bà B trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhưng bà B vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn thanh toán 50.000.000 đồng tiền vốn và thanh toán lãi từ ngày 24/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/6/2022 (17 tháng 22 ngày x 1,66% tháng) tương đương với số tiền 14.718.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Huỳnh TA có đơn xin vắng mặt. Bà B đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai M vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng, nguyên đơn là bà Lê Thị M có cho bị đơn là bà Dương Thị B vay tổng số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/ tháng, thời hạn vay 06 tháng. Quá trình vay bà B không thanh toán vốn và Lãi. Việc thỏa thuận vay tiền có làm Hợp đồng và giấy nhận tiền. Để chứng minh cho yêu cầu, lời trình bày của mình nguyên đơn cung cấp Hợp đồng vay và giấy nhận tiền ngày 24/12/2020. Hợp đồng vay là giấy nhận tiền đều thể hiện anh TA là bên cho vay, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà M và anh TA đều xác định do bà M và anh TA có mối quan hệ mẹ con sống chung nhà nên anh TA mới đại diện ký tên cho bà B vay, thực tế tiền cho bà B vay là tiền của cá nhân bà M không liên quan đến anh TA. Xét thấy, lời trình bày của các đương sự phù hợp với

nhau và phù hợp với tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền vốn vay 50.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1,66%/ tháng từ ngày vay là ngày 24/12/2020 đến ngày xét xử là ngày 16/6/2022 (17 tháng 22 ngày) tương đương với số tiền 14.718.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Mặc dù, bà B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và trong thời gian giải quyết vụ án bà B cũng không đến Toà án, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thể hiện việc bà B có vay và còn nợ bà bà M số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi 14.718.000 đồng đến nay chưa thanh toán là có cơ sở. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tổng cộng 64.718.000 đồng đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M

Buộc bà Dương Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị M số tiền 64.718.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu bảy trăm mười tám nghìn đồng). Trong đó tiền vốn 50.000.000 đồng, tiền lãi 14.718.000 đồng.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà B không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị B phải chịu 3.235.000 đồng (Chưa nộp). Bà Lê Thị M không phải chịu án phí, bà M thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xem xét việc nhận lại án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA;
- VKSND thành phố CM;
- Chi cục THADS thành phố CM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hàng Bích Trâm